



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



NGHỆ AN – THÁNG 3/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY | 3 |
| 1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động..... | 3 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 4 |
| 3. Mô hình tổ chức bộ máy..... | 5 |
| 4. Định hướng phát triển..... | 6 |
| 5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 7 |
| II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2020 | 8 |
| 1. Môi trường đầu tư..... | 8 |
| 2. Những vấn đề của năm 2020..... | 10 |
| III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020 | 14 |
| 1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020..... | 14 |
| 2. Tình hình nhân sự..... | 14 |
| 3. Tình hình tài chính..... | 16 |
| 4. Cơ cấu cổ đông..... | 17 |
| IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 | 18 |
| 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc..... | 18 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2020..... | 19 |
| 3. Báo cáo tài chính..... | 20 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Vốn điều lệ ban đầu: 9.750.000.000 đồng

Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1: 37.500.000.000 đồng

Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Nay là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ - TTGDHN ngày 25/12/2006;

Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ - TTGDHCM ngày 23/01/2007;

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023);

Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thành lập xong Chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 195/QĐ-UBCK của phó chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ban hành ngày 18/03/2020.

Địa chỉ chi nhánh Hà Nội: P1106, tầng 11 tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

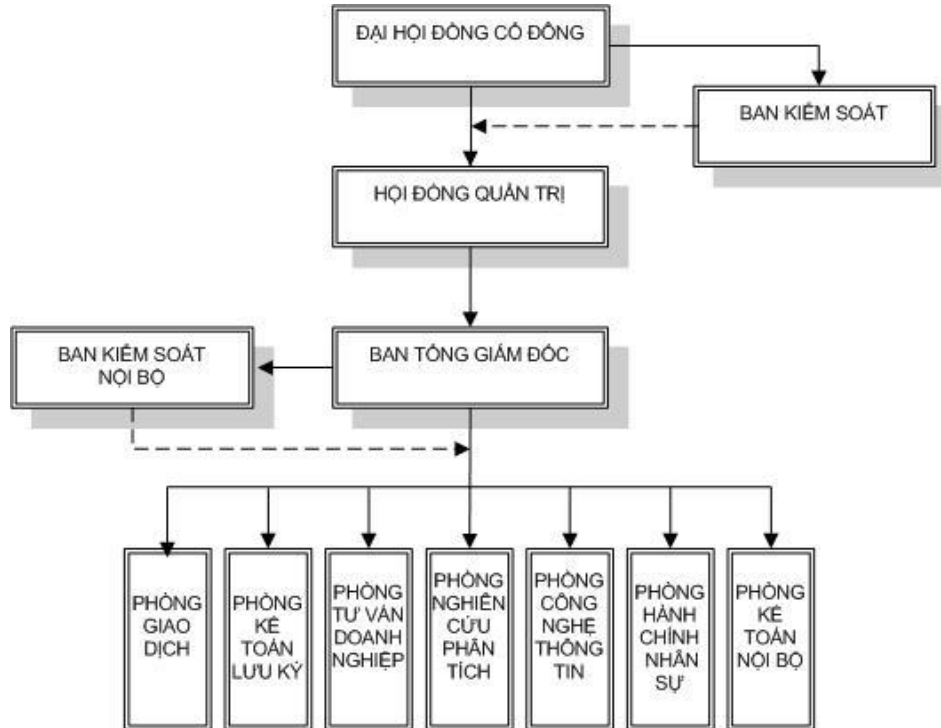


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

3. Mô hình tổ chức bộ máy



Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của VSC, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ VSC quy định, các cổ động sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, đại diện cho Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, điều lệ công ty và các quy định nội bộ.

Ban kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc

Là bộ phận trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại ban Tổng Giám đốc của VSC có 2 người; Tổng giám đốc điều hành chung các hoạt động kinh doanh của Công ty, Phó tổng giám đốc phụ trách về mảng hành chính và nhân sự.

Ban kiểm soát nội bộ giám sát hoạt động của các phòng ban, mỗi phòng ban đảm nhiệm các công việc theo đúng chuyên môn đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả nhất.

4. Định hướng phát triển

Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa VSC trở thành một thành viên đáng tin cậy của thị trường.

Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai;

Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp, là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng;

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công phân cấp rõ ràng; nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện và đổi mới công tác quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Về nghiệp vụ: VSC định hướng đẩy mạnh nghiệp vụ ngân hàng đầu tư từ năm 2020, xúc tiến làm việc với nhiều doanh nghiệp ở cả 3 miền đất nước, thông qua đó định hình lại, gia tăng nhận diện thương hiệu và uy tín đến với mọi khách hàng doanh nghiệp.

Về công nghệ: Công ty đã đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán, ứng dụng di động, trang thông tin điện tử chuyên nghiệp và đồng bộ để đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; đã chính thức ra mắt và vận hành ổn định sản phẩm mới vào đầu tháng 7 năm 2020; tiếp nối xu hướng đó trong năm 2020 VSC tiếp tục nâng cấp hệ thống, cải tiến các chức năng, tiện ích của các ứng dụng công nghệ để ngày càng hoàn thiện sản phẩm, đem đến sự trải nghiệm tối ưu nhất cho khách hàng sử dụng sản phẩm.

Đảm bảo hoạt động ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

VSC luôn đặt mục tiêu uy tín lên hàng đầu, luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh VSC luôn xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VSC cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với các luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, tuân thủ các Quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. VSC sẽ tiếp tục nỗ lực để đảm bảo an toàn tài chính và trở thành một địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư và khách hàng.

VSC đặt ra các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động và có biện pháp kiểm soát hợp lý để ngăn chặn và kiểm soát tốt nhất.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro do các nguyên nhân khách quan khác, cụ thể một số trường hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

như: như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh.. Công ty đã xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro về thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng, phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho mục đích quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

Hoạt động trong thị trường chứng khoán với hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản mới trong lĩnh vực chứng khoán và những lĩnh vực có liên quan. Bên cạnh đó Công ty không ngừng nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên..Nhờ đó Công ty hạn chế được các vấn đề rủi ro liên quan đến Pháp luật.

II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2020

1. Môi trường đầu tư

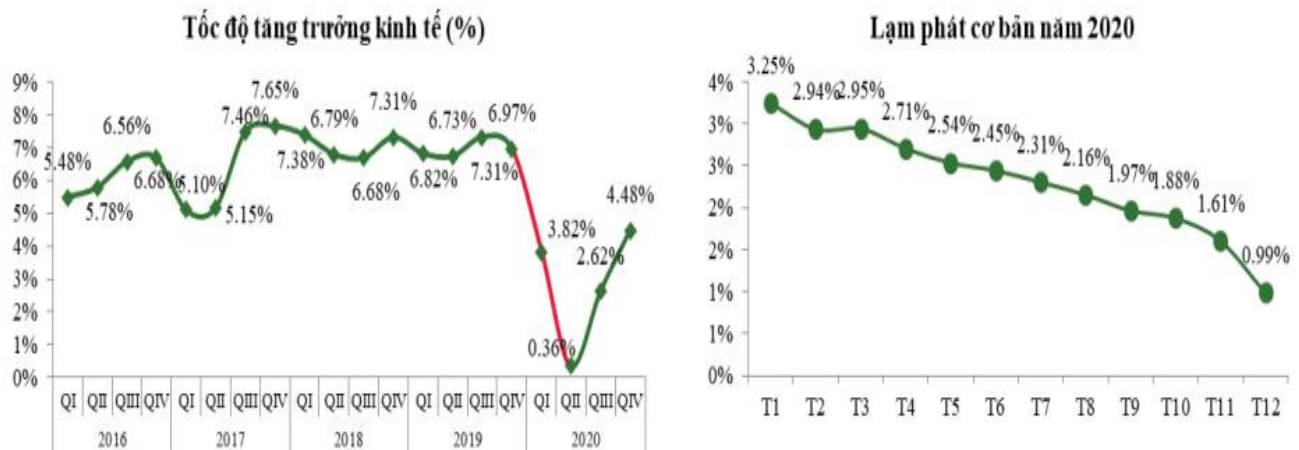
Năm 2020, kinh tế toàn cầu đối mặt với thách thức lớn nhất kể từ đầu thế kỷ 21 “Đại dịch Covid-19”. Để đánh giá tác động của Covid-19 tới kinh tế toàn cầu, nhiều tổ chức lớn trên thế giới đã gọi tác động của đại dịch là “Đại phong tỏa”. Điều này chỉ ra một thực tế là đại dịch khiến giao thương toàn cầu đình trệ và lâm vào khủng hoảng. Hàng loạt các nền kinh tế lớn trên thế giới đã rơi vào trạng thái tăng trưởng âm trong năm 2020. Kinh tế toàn cầu suy giảm khoảng 4,3% trong năm 2020 theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), trong đó các nền kinh tế phát triển đều không có nhiều kết quả tích cực như Mỹ giảm 3,5%, Liên minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Châu Âu (EU) giảm 6,2%, Nhật Bản giảm 4,8%,.... Dù gặp nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam năm 2020 nổi lên như một điểm sáng trong khu vực và thế giới. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, chỉ có 17 nền kinh tế trên toàn cầu đạt mức tăng trưởng dương trong năm 2020, trong đó Việt Nam đứng thứ 5. Với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,9%, Việt Nam trở thành quốc gia tăng trưởng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 3 ở khu vực Châu Á. Thành công của Việt Nam đến từ nỗ lực ngăn chặn Covid-19 mạnh mẽ và nhanh chóng đưa nền kinh tế vào trạng thái “bình thường mới”. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, những điểm sáng về xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và sự phục hồi của tiêu dùng nội địa cùng khả năng kiểm soát lạm phát tốt và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đã giúp Việt Nam có một năm 2020 có thể nói là “THÀNH CÔNG” trong đại dịch. Tỷ lệ lạm phát cơ bản bình quân của Việt Nam năm 2020 chỉ ở mức 2,31%, thấp hơn mục tiêu 4% của Quốc Hội đưa ra bất chấp việc giá thịt lợn có giai đoạn tăng mạnh dưới hành hưởng của dịch tả lợn Châu Phi.



Tính chung cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị xuất khẩu vào thị trường này đạt 76,4 tỷ USD và cũng là thị trường tăng trưởng mạnh nhất với 24,5%/yoy. Đáng chú ý, năm 2020 cũng ghi nhận nỗ lực mở cửa nền kinh tế của Việt Nam khi hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết và có hiệu lực từ năm 2020,



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

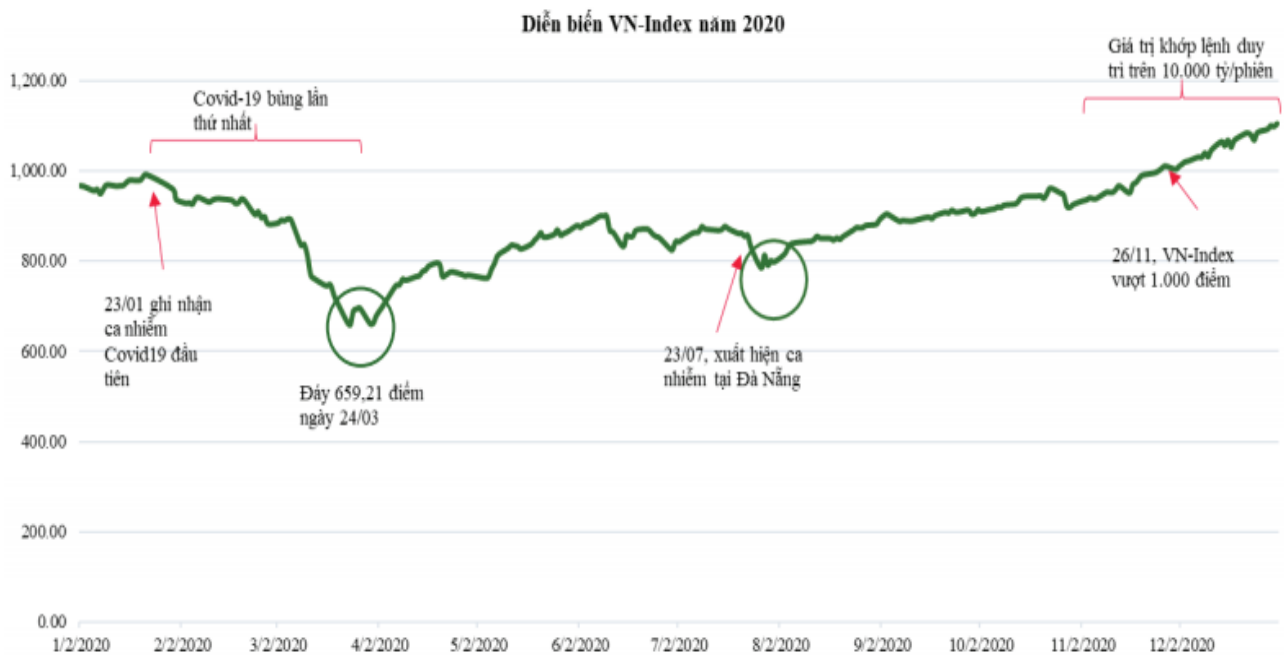
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

nổi bật như EVFTA, CPTPP (TPP+11), RCEP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất nhập khẩu của Việt Nam trong các năm tới.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020

Những tháng đầu năm 2020, TTCK Việt Nam đã chứng kiến những đợt giảm điểm mạnh. VN-Index đã sụt giảm 33,51% xuống 659,21 điểm - mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua khi Covid-19 bùng phát trong nước trong tháng 1. Việc kiểm soát dịch thành công trong hai lần bùng phát dịch đã giúp thị trường tăng trưởng ngoạn mục từ quý 2 đến cuối năm 2020. VN-Index chính thức vượt mốc 1.000 điểm ngày 26/11. Kết thúc năm 2020, VN-Index ghi nhận mức tăng 67,45% so với đáy, 14,87% so với đầu năm - mức tăng trưởng ấn tượng hơn nhiều so với con số 7,67% trong năm 2019.



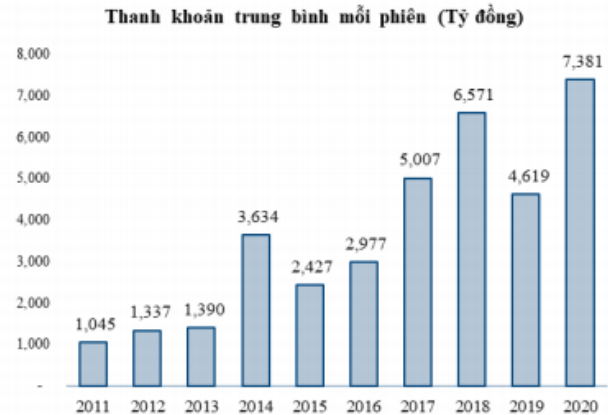
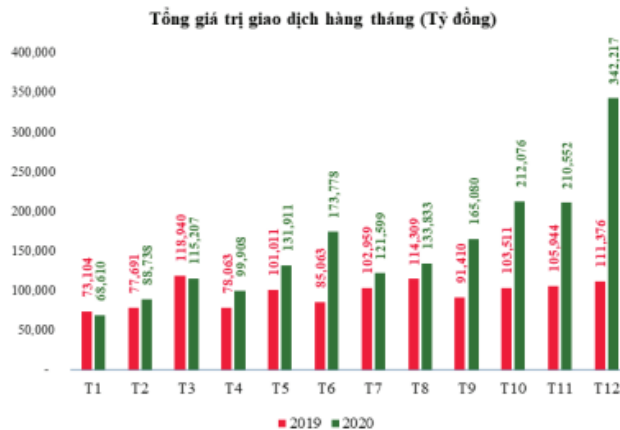
Thanh khoản thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục. Tổng khối lượng giao dịch trung bình cả năm đạt 429,4 triệu cổ phiếu/phiên trên cả 3 sàn HoSE, HNX và UpCom, tương ứng giá trị trung bình 7.381 tỷ đồng/phiên. So với năm 2019, thanh khoản trung bình phiên tăng 89,1% về khối lượng và 58,6% về giá trị. Đáng chú ý, tháng 12 là tháng có mức thanh khoản cao nhất trong năm với tổng giá trị giao dịch trên cả 3 sàn trong tháng đạt 342.217 tỷ đồng,



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

tương ứng trung bình 14.798 tỷ đồng giá trị giao dịch/phiên. So với tháng 12/2019, thanh khoản trung bình phiên toàn thị trường tăng 173,3% về khối lượng và 192,3% về giá trị.



Một số điểm nhấn nổi bật của thị trường năm 2020: - Dấu ấn 20 năm của Thị trường chứng khoán Việt Nam: Năm 2020, TTCK Việt Nam ghi dấu mốc lịch sử khi tròn 20 năm mở cửa hoạt động. Khai trương thị trường ngày 20-7-2000 chỉ với 2 loại cổ phiếu, 6 công ty chứng khoán và vài nghìn nhà đầu tư. Sau 20 năm, Việt Nam có TTCK quy mô vốn hóa gần 200 tỷ USD, gần 30 doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa trên 1 tỷ USD, với đầy đủ các cấu phần thị trường và các sản phẩm đầu tư đa dạng, thu hút trên 2,7 triệu nhà đầu tư mở tài khoản. Tổng giá trị huy động thông qua phát hành thêm trên thị trường cổ phiếu kể từ năm 2000 đến nay ước đạt hơn 295.000 tỷ đồng với 834 đợt phát hành. Trong đó, giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế 2010-2015 huy động tăng hơn 5 lần so với giai đoạn 2004-2009. - Bùng nổ dòng vốn ETF nội: Năm 2020 chứng kiến sự ra đời của hàng loạt quỹ dạng này như các quỹ ETF MAFM VN30; ETF SSIAM VN30; ETF SSIAM VNFIN LEAD; ETF VFMVN DIAMOND; ETF VINACAPITAL VN100. Các quỹ ETF nội mới ra đời nhưng đã nhanh chóng thu hút được hàng ngàn tỷ đồng. Đơn cử quỹ ETF VFMVN Diamond khi mới IPO hồi tháng 5-2020 với hơn 100 tỷ đồng thì đến cuối năm, quy mô quỹ đã đạt hơn 4.000 tỷ đồng. Các quỹ đầu tư nước ngoài như PYN Elite Fund hay CTBC Vietnam Equity Fund cũng rót vốn vào các quỹ ETF nội. - Chứng khoán Việt Nam vươn lên thị phần số 1 trong nhóm thị trường cận biên của MSCI: Từ đầu tháng 12-2020, TTCK Việt Nam chính thức trở



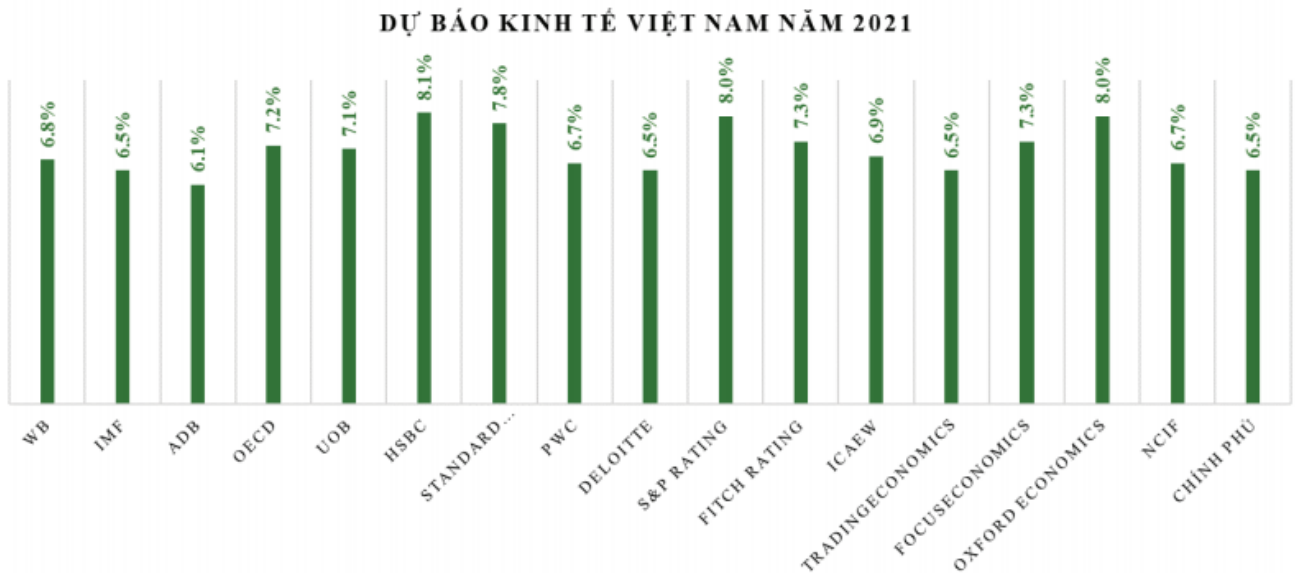
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

thành thị trường có tỷ trọng lớn nhất trong rổ các thị trường cận biên (Frontier Markets) theo hệ thống phân loại của MSCI. Có được điều này là do thị trường Kuwait được nâng hạng lên nhóm “mới nổi”. Theo lộ trình tăng tỷ trọng, thị trường Việt Nam cuối năm 2020 đạt 15,76%, lớn nhất trong nhóm các thị trường cận biên của MSCI. Đến hết năm 2021, tỷ trọng của thị trường Việt Nam sẽ đạt 28,76%.

3. Triển vọng kinh tế và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn nhiều diễn biến phức tạp, với những thành công đã đạt được trong năm 2020 và công tác chống dịch luôn được đảm bảo ở mức cao, nền kinh tế Việt Nam vẫn nhận được những dự báo tích cực từ hầu hết các tổ chức quốc tế lớn như World Bank, IMF, ADB, OECD,...



Những điểm tựa tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong năm 2021:

- Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do: Sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu sau Covid-19 và các hiệp định FTA đi sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh được kỳ vọng sẽ là một trong những động lực chính hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam năm 2021. Nổi bật trong nhóm các FTA thế hệ mới của Việt Nam bao gồm Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam

- Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP). Trong đó,



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

EVFTA là hiệp định giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU có mức độ cam kết cao nhất từ trước tới nay. CPTPP sẽ tạo ra một khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới với quy mô thị trường với tổng giá trị GDP khoảng 10.567 tỷ USD, chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu. RCEP tạo nên một thị trường lớn với quy mô 2,2 tỉ người tiêu dùng, chiếm khoảng 30% dân số thế giới, với GDP xấp xỉ 26,2 nghìn tỉ USD, chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu và sẽ trở thành khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới.

Năm 2021 được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một năm tăng trưởng của TTCK về thanh khoản và điểm số, tuy nhiên tốc độ sẽ có phần chậm lại so với năm 2020 do triển vọng kinh tế đã được phản ánh một phần vào chỉ số. Tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2021, cùng với dư địa, tiềm năng phát triển của TTCK, những nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán tiếp tục được đẩy mạnh,...trở thành động lực quan trọng hỗ trợ TTCK năm 2021. - Nền tảng vĩ mô ổn định thúc đẩy tăng trưởng của thị trường chứng khoán: Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam được dự báo đầy lạc quan với tốc độ tăng trưởng hồi phục nhanh. Kỳ vọng này giúp cho thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì đà tăng tích cực trong năm 2021. - Chính sách nới lỏng tiền tệ kỳ vọng sẽ thúc đẩy cho đà tăng của thị trường: Ngân hàng nhà nước (NHNN) sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2021. Theo NHNN, dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2021 kế hoạch là 12%, cao hơn mức 9% cả năm 2020. Lãi suất huy động, cho vay sẽ giảm 0,2-0,5 điểm phần trăm trong năm 2021. Điều này sẽ thúc đẩy dòng tiền tiết kiệm chảy sang TTCK. - Dư địa gia tăng tài khoản chứng khoán còn khá lớn: Số lượng tài khoản NĐT trong nước/dân số Việt Nam hiện chỉ chiếm 2,7%, thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ 11,1% của Trung Quốc, Hàn Quốc hơn 30%, châu Âu hơn 50%, Mỹ gần 60%. Đây là tiền đề cho sự phát triển số lượng người dân tham gia thị trường của Việt Nam. Theo báo cáo Digital 2020 của We are social, số lượng người dùng internet là 68,17 triệu người (chiếm tỷ lệ 70% số dân) tại thời điểm tháng 1/2020. Như vậy, Việt Nam có điều kiện tốt để phổ cập kiến thức về thị trường chứng khoán và gia tăng nhanh số lượng tài khoản giao dịch. - Triển vọng nâng hạng thúc đẩy sự phát triển của thị trường: Việc tiến gần hơn tới mục tiêu nâng hạng lên nhóm mới nổi được kỳ vọng sẽ giúp chứng khoán Việt Nam tiếp tục thăng hoa trong các năm tới.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của VSC trong 3 năm gần đây:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Tăng trưởng 2020/2019 (%) |
|----------------|-----------------|-----------------|---------------------------|
| Tổng tài sản | 36.484.082.282 | 33.969.629.204 | (6.89%) |
| Vốn chủ sở hữu | 36.101.881.568 | 33.571.407.487 | (7.01%) |
| Vốn điều lệ | 37.500.000.000 | 37,500,000,000 | 0 % |
| Doanh thu | 5.127.473.255 | 5.549.733.673 | 8.24% |
| LN trước thuế | (2,775,181,741) | (2,530,474,081) | (8.82%) |

Trong năm 2 năm gần đây, Công ty có sự đầu tư mạnh mẽ về Công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, đồng thời cơ cấu về chi phí thay đổi trong khi doanh thu chưa cải thiện nhiều. Do đó kết quả kinh doanh năm 2020 chưa có sự cải thiện nhiều so với năm 2019.

2. Tình hình nhân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VSC có 3 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Bà Thái Thị Nga - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đặng Thái Nguyên - Phó chủ tịch HĐQT
3. Bà Trương Thị Kim Thu - Ủy viên HĐQT

Bà Thái Thị Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã tham gia và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phó Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á, Phó giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại và Dịch vụ Vạn Niên. Hiện nay bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Ông Đặng Thái Nguyên đã nhiều năm tham gia vào thị trường tài chính, ông đã từng đảm nhiệm các công việc: Trưởng phòng Đầu tư và Chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc Á; Giám đốc ngân hàng TMCP Bắc Á chi nhánh Thanh Hóa, Từ cuối năm 2006 Ông là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt. Giữa năm 2020, ông Đặng Thái Nguyên được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Thái Doãn Sơn - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Duy Châu - Thành viên Ban kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty hàng tháng và khi có những phát sinh đột xuất.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty dựa vào điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuân thủ các quy định của nhà nước, các quy trình, quy chế của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng tháng, hàng quý, phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban kiểm soát; đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty;



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;

Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 12 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khỏe tốt.

3. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % Tăng /giảm |
|----------------------|-----------------|-----------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản | 36,484,082,282 | 33.969.629.204 | (6,89%) |
| Doanh thu thuần | 5,127,473,255 | 5.549.733.673 | 8,24% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | (2,617,349,619) | (2.373.474.081) | (9,32%) |
| Lợi nhuận khác | (157,832,122) | (157.000.000) | (0,53%) |
| Lợi nhuận trước thuế | (2,775,181,741) | (2.530.474.081) | (8,82%) |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

| | | | |
|--------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Lợi nhuận sau thuế | (2,775,181,741) | (2.530.474.081) | (8,82%) |
|--------------------|-----------------|-----------------|---------|

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | Các chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|---|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| | <i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i> | 71.64 | 64.10 |
| | <i>Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ NH</i> | 71.64 | 64.10 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| | <i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i> | 0.01 | 0.012 |
| | <i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i> | 0.01 | 0.012 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| | <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i> | 0.14 | 0.16 |
| 4 | Chỉ tiêu khả năng sinh lời | | |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i> | (0.54) | (0.46) |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i> | (0.08) | (0.08) |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH</i> | (0.08) | (0.08) |
| | <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần</i> | (0.51) | (0.43) |

4. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần: 3.750.000 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần, mệnh giá 10.000đ/cổ phần). Chi tiết cơ cấu cổ đông

| STT | Cổ đông | Vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ |
|-----|------------------|---------------|--------|
| 1 | Thái Thị Nga | 4.000.000.000 | 10,67% |
| 2 | Thái Hương | 4.000.000.000 | 10,67% |
| 3 | Đặng Thái Nguyên | 4.000.000.000 | 10,67% |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

| | | | |
|-------------|--------------------|-----------------------|-------------|
| 4 | Thái Doãn Sơn | 4.000.000.000 | 10,67% |
| 5 | Trương Thị Kim Thư | 4.000.000.000 | 10,67% |
| 6 | Hồ Thị Vinh | 4.000.000.000 | 10,67% |
| 7 | Nguyễn Hà Nam | 6.500.000.000 | 17,33% |
| 8 | Nguyễn Trọng Trung | 3.200.000.000 | 8,53% |
| 9 | Thái Thị Lương | 2.800.000.000 | 7,46% |
| 10 | Thái Doãn Lộc | 1.000.000.000 | 2,66% |
| Cộng | | 37.500.000.000 | 100% |

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Năm 2020 là một năm khó khăn với các doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Các công ty chứng khoán được hưởng lợi từ sự hồi phục của TTCK và thanh khoản ở mức cao kỷ lục. Tuy nhiên, chỉ có gần một nửa số công ty chứng khoán báo lãi tăng so với 2019, hơn một nửa còn lại báo lãi giảm, thậm chí lỗ.

Năm 2020 là một trong các năm mà bước đầu Công ty có sự thay đổi lớn về hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm lõi của Công ty thay đổi hoàn toàn. Năm bắt được sự thay đổi lớn về công nghệ, Ban Tổng giám đốc đã định hướng và thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ đồng bộ từ giao dịch chứng khoán, lưu ký chứng khoán cho đến kế toán quản trị. Công ty vẫn duy trì ổn định và phát triển bền vững các hoạt động chính như môi giới, tư vấn và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Trong năm 2020, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo không có sự thay đổi về mặt tổ chức nhân sự, duy trì khách hàng thường xuyên và phát triển thêm khách hàng mới.

Bước sang năm 2020, nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn sẽ là một trong những nghiệp vụ chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Việt, tiếp tục xây dựng đội ngũ môi giới theo hướng không ngừng nâng cao chất lượng với mục tiêu dài hạn là mở rộng thị phần dựa



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

trên ưu tiên đầu tư có trọng điểm vào nguồn nhân lực, công nghệ, dịch vụ chất lượng cao và quản trị rủi ro tốt cho khách hàng. Bên cạnh đó với mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ trong năm thì Công ty sẽ bổ sung các nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, đầu tư tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phạm vi vốn điều lệ cho phép.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2020

Đại dịch Covid-19 đã và đang có những tác động to lớn đến mọi mặt nền kinh tế trên toàn thế giới và Việt Nam. Hậu quả của đại dịch COVID 19 là chưa từng có trong lịch sử loài người. Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng trong việc kiểm soát dịch bệnh COVID-19. Nhờ đó, Việt Nam vẫn duy trì và củng cố nền tảng vĩ mô ổn định khi tình hình thế giới và khu vực biến động mạnh. Khi đại dịch Covid -19 bùng phát trên toàn thế giới, TTCK toàn cầu đã sụt giảm nhanh và mạnh, trong đó có nhiều thị trường (Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines...) phải kích hoạt cơ chế tạm dừng giao dịch. TTCK Việt Nam cũng chịu nhiều tác động nhưng với các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế kịp thời của Chính phủ, TTCK đã vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi tích cực. Trong bối cảnh đó, BOS đã đưa ra những thay đổi phù hợp trong cơ chế vận hành theo sự biến động của nền kinh tế và TTCK, cụ thể:

Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua thì vẫn còn nhiều điểm chưa thực sự tốt, đặc biệt là về thị phần kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường ngành vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy với sự nâng cấp công nghệ, sự đầu tư kịp thời này sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Công ty. Định hướng dài hạn Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm công nghệ, dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.
- Mở rộng thị phần đối với hoạt động môi giới
- Mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh mới, tiến tới chuyên môn hóa và mô hình Ngân hàng đầu tư kiểu mẫu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

- Đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo sự ổn định và an toàn cho việc vận hành hệ thống, tạo ra nhiều tiện ích cho nhà đầu tư.
- Tạo được uy tín, chất lượng trong phục vụ khách hàng.
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ quy trình thực hiện giao dịch.
- Phát triển ổn định và bền vững dựa trên các nguyên tắc kinh doanh đã đề ra.

3. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01-02 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03-04 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 05-07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09-11 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 12 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 13-29 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga

Chủ tịch

Ông Đặng Thái Nguyên

Phó Chủ tịch

Bà Trương Thị Kim Thư

Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

Ông Lê Duy Thân

Phó Giám đốc Chi nhánh

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại các văn bản sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Số: 01.290321/BCKT-UHY MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/03/2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2018-112-1

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3337-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Chi nhánh Miền Trung
Nghệ An, ngày 29 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 25.525.813.216 | 27.378.999.341 |
| 110 | I. Tài sản tài chính | | 24.960.764.914 | 27.021.897.102 |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 956.450.870 | 4.347.635.116 |
| 111.1 | 1.1 Tiền | | 956.450.870 | 4.197.635.116 |
| 111.2 | 1.2 Các khoản tương đương tiền | | - | 150.000.000 |
| 113 | 2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | V.2 | 21.799.554.795 | 21.850.000.000 |
| 114 | 3. Các khoản cho vay | V.3 | 1.460.098.773 | - |
| 117 | 4. Các khoản phải thu | | 328.538.665 | 300.191.600 |
| 117.2 | 4.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 328.538.665 | 300.191.600 |
| 117.4 | 4.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | | 328.538.665 | 300.191.600 |
| 118 | 5. Trả trước cho người bán | | 25.260.000 | - |
| 119 | 6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | 144.128.094 | 253.068.592 |
| 121 | 7. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | | 20.930 | - |
| 122 | 8. Các khoản phải thu khác | | 246.712.787 | 271.001.794 |
| 130 | II. Tài sản ngắn hạn khác | | 565.048.302 | 357.102.239 |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 265.171.500 | 127.394.420 |
| 133 | 2. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.5 | 229.875.402 | 159.706.419 |
| 136 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 70.001.400 | 70.001.400 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 8.443.815.988 | 9.105.082.941 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 1.901.592.951 | 2.479.287.087 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.6 | 1.397.366.316 | 1.831.303.680 |
| 222 | - Nguyên giá | | 4.229.708.765 | 4.627.634.067 |
| 223a | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.832.342.449) | (2.796.330.387) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.7 | 504.226.635 | 647.983.407 |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.969.867.750 | 1.969.867.750 |
| 229a | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.465.641.115) | (1.321.884.343) |
| 250 | V. Tài sản dài hạn khác | | 6.542.223.037 | 6.625.795.854 |
| 251 | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 81.780.000 | 81.780.000 |
| 252 | 2. Chi phí trả trước dài hạn | V.5 | 234.404.079 | 516.411.787 |
| 254 | 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | V.8 | 6.226.038.958 | 6.027.604.067 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 33.969.629.204 | 36.484.082.282 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|------------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 398.221.717 | 382.200.714 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 398.221.717 | 382.200.714 |
| 318 | 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | | 43.921.053 | 43.921.053 |
| 319 | 2. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính | | 705.114 | - |
| 321 | 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 25.000.000 | 121.800.000 |
| 322 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.10 | 95.041.231 | 38.909.602 |
| 323 | 5. Phải trả người lao động | | - | 1.200.000 |
| 324 | 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 27.072.000 | - |
| 325 | 7. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.11 | 100.460.005 | 167.147.745 |
| 327 | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 96.800.000 | - |
| 329 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | | 168.114 | 168.114 |
| 331 | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 9.054.200 | 9.054.200 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 33.571.407.487 | 36.101.881.568 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 33.571.407.487 | 36.101.881.568 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 37.866.101.544 | 37.866.101.544 |
| 411.1 | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | | 37.500.000.000 | 37.500.000.000 |
| 411.1a | a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 37.500.000.000 | 37.500.000.000 |
| 411.4 | 1.2 Vốn khác của chủ sở hữu | | 366.101.544 | 366.101.544 |
| 414 | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 366.101.544 | 366.101.544 |
| 415 | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 366.101.544 | 366.101.544 |
| 417 | 4. Lợi nhuận chưa phân phối | V.12 | (5.026.897.145) | (2.496.423.064) |
| 417.1 | 4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | (5.026.897.145) | (2.496.423.064) |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 33.969.629.204 | 36.484.082.282 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-------------------------------------|--|-------------|----------------|---------------|
| Đơn vị: Số lượng chứng khoán | | | | |
| 021 | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư | | 77.351.583 | 164.797.035 |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | | 41.085.858 | 131.757.915 |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | | 9.324 | 6.320 |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | | 35.520.000 | 33.020.000 |
| 021.4 | d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | | - | 6.400 |
| 021.5 | d. Tài sản tài chính chờ thanh toán | | 736.401 | 6.400 |
| 022 | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | | - | 450.423 |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | - | 450.156 |
| 022.2 | b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | | - | 267 |
| 023 | 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | | 23.679 | 267 |
| Đơn vị: Đồng Việt Nam | | | | |
| 026 | 4. Tiền gửi của khách hàng | | 16.506.784.695 | 3.720.330.033 |
| 027 | 4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK | V.9 | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |
| 030 | 4.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | | - | 32.866.731 |
| 031 | 5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |
| 031.1 | 5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |
| 035 | 6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | - | 32.866.731 |

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng




Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc


Nghệ An, ngày 29 tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B02-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | |
| 02 | 1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | | 1.452.511.000 | 1.301.880.701 |
| 03 | 1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | | 134.510.078 | - |
| 06 | 1.3 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 3.129.635.042 | 2.724.270.531 |
| 08 | 1.4 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | | - | 45.454.545 |
| 09 | 1.5 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 794.055.553 | 1.030.457.478 |
| 11 | 1.6 Thu nhập hoạt động khác | | 39.022.000 | 25.410.000 |
| 20 | Cộng doanh thu hoạt động | | 5.549.733.673 | 5.127.473.255 |
| | II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | |
| 27 | 2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 4.948.803.128 | 4.475.563.850 |
| 29 | 2.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | | 294.950.621 | - |
| 30 | 2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 394.341.681 | 515.372.658 |
| 31 | 2.4 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | | - | 76.678.334 |
| 32 | 2.5 Chi phí các dịch vụ khác | | 14.573.000 | 23.262.324 |
| 40 | Cộng chi phí hoạt động | | 5.652.668.430 | 5.090.877.166 |
| | III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 42 | 3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | | 64.205.954 | 61.664.670 |
| 50 | Cộng doanh thu hoạt động tài chính | | 64.205.954 | 61.664.670 |
| | IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | |
| 52 | 4.1 Chi phí lãi vay | | 7.808.878 | - |
| 60 | Cộng chi phí tài chính | | 7.808.878 | - |
| 62 | V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | VI.1 | 2.326.936.400 | 2.715.610.378 |
| 70 | VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | (2.373.474.081) | (2.617.349.619) |
| | VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | |
| 72 | 7.1 Chi phí khác | | 157.000.000 | 157.832.122 |
| 80 | Cộng kết quả hoạt động khác | | (157.000.000) | (157.832.122) |
| 90 | VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| 91 | 8.1 Lợi nhuận đã thực hiện | | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| 100 | IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN | | - | - |
| 100.1 | 9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VI.2 | - | - |
| 200 | X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| 500 | XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| 501 | 11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | VI.3 | (675) | (740) |
| 502 | 11.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | | (675) | (740) |


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng


Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc



Nghệ An, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|---|------------------------|------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản | 585.503.014 | 511.419.711 |
| 03 | - Khấu hao tài sản cố định | 577.694.136 | 511.419.711 |
| 06 | - Chi phí lãi vay | 7.808.878 | - |
| 30 | 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | (1.446.213.179) | (4.502.610.548) |
| 32 | - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 50.445.205 | (5.850.000.000) |
| 33 | - Tăng (giảm) các khoản cho vay | (1.460.098.773) | 1.354.000.000 |
| 36 | - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | (28.347.065) | 105.939.907 |
| 37 | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 12.140.498 | (47.450.390) |
| 38 | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | (20.930) | - |
| 39 | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác | 24.289.007 | 34.175.783 |
| 40 | - Tăng (giảm) các tài sản khác | (336.211.971) | (413.539.194) |
| 41 | - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | (66.687.740) | 24.022.566 |
| 42 | - Tăng (giảm) chi phí trả trước | 211.838.725 | 25.345.514 |
| 43 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | - | (30.000.000) |
| 44 | - Lãi vay đã trả | (7.808.878) | - |
| 45 | - Tăng, (giảm) phải trả cho người bán | (25.260.000) | 369.000.000 |
| 46 | - Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi | 27.072.000 | - |
| 47 | - Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN) | 56.131.629 | (75.504.734) |
| 48 | - Tăng, (giảm) phải trả người lao động | (1.200.000) | 1.200.000 |
| 50 | - Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác | 97.505.114 | 200.000 |
| 60 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (3.391.184.246) | (6.766.372.578) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | |
| 61 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | - | (959.591.000) |
| 70 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | - | (959.591.000) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|--|------------------------|------------------------|
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| 73 | 3. Tiền vay gốc | 24.037.519.697 | - |
| 73.2 | 3.1 Tiền vay khác | 24.037.519.697 | - |
| 74 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | (24.037.519.697) | - |
| 74.3 | 4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác | (24.037.519.697) | - |
| 80 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | - | - |
| 90 | IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm | (3.391.184.246) | (7.725.963.578) |
| 101 | V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 4.347.635.116 | 12.073.598.694 |
| 101.1 | - Tiền | 4.197.635.116 | 5.073.598.694 |
| 101.2 | - Các khoản tương đương tiền | 150.000.000 | 7.000.000.000 |
| 103 | VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 956.450.870 | 4.347.635.116 |
| 103.1 | - Tiền | 956.450.870 | 4.197.635.116 |
| 103.2 | - Các khoản tương đương tiền | - | 150.000.000 |


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)


PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|---|-----------------------|-------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 2.456.037.575.191 | 3.945.205.819.948 |
| 02 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | (2.471.627.712.491) | (3.986.014.594.148) |
| 07 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 2.368.034.603.941 | 1.589.834.691.954 |
| 08 | 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | (2.339.658.011.979) | (1.592.039.816.267) |
| 14 | 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | 760.986.892.231 | 1.090.096.210.134 |
| 15 | 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | (760.986.892.231) | (1.090.189.757.158) |
| 20 | Tăng/giảm tiền thuần trong năm | 12.786.454.662 | (43.107.445.537) |
| 30 | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | 3.720.330.033 | 46.827.775.570 |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ: | 3.720.330.033 | 46.827.775.570 |
| 32 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 3.687.463.302 | 46.701.361.815 |
| 35 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 32.866.731 | 126.413.755 |
| 40 | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | 16.506.784.695 | 3.720.330.033 |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | 16.506.784.695 | 3.720.330.033 |
| 42 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |
| 45 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 32.866.731 |


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng


Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc



Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND
Số dư cuối năm

| CHỈ TIÊU | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | Số dư cuối năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------|----------------------|----------------|-----------------------|
| | 01/01/2019 | 01/01/2020 | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 37.866.101.544 | 37.866.101.544 | - | - | - | 37.866.101.544 |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 37.500.000.000 | 37.500.000.000 | - | - | - | 37.500.000.000 |
| 1.2 Vốn khác của chủ sở hữu | 366.101.544 | 366.101.544 | - | - | - | 366.101.544 |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 366.101.544 | 366.101.544 | - | - | - | 366.101.544 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 366.101.544 | 366.101.544 | - | - | - | 366.101.544 |
| 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 278.758.677 | (2.496.423.064) | - | 2.775.181.741 | - | (2.496.423.064) |
| 4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 278.758.677 | (2.496.423.064) | - | 2.775.181.741 | - | (2.496.423.064) |
| TỔNG CỘNG | 38.877.063.309 | 36.101.881.568 | - | 2.775.181.741 | - | 36.101.881.568 |



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 02 ngày 09/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/3/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 37.500.000.000 đồng, được chia thành 3.750.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu cụ thể như sau:

| | 31/12/2020 | Tỷ lệ (%) | 01/01/2020 | Tỷ lệ (%) |
|----------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| Vốn góp của cá nhân | 37.500.000.000 | 100,00 | 37.500.000.000 | 100,00 |
| - Thái Thị Nga | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Thái Hương | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Đặng Thái Nguyên | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Thái Doãn Sơn | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Trương Thị Kim Thư | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Hồ Thị Vinh | 4.000.000.000 | 10,67 | 4.000.000.000 | 10,67 |
| - Nguyễn Hà Nam | 6.500.000.000 | 17,33 | 6.500.000.000 | 17,33 |
| - Nguyễn Trọng Trung | 3.200.000.000 | 8,53 | 3.200.000.000 | 8,53 |
| - Thái Thị Lương | 2.800.000.000 | 7,46 | 2.800.000.000 | 7,46 |
| - Thái Doãn Lộc | 1.000.000.000 | 2,66 | 1.000.000.000 | 2,66 |
| Cộng | 37.500.000.000 | 100,00 | 37.500.000.000 | 100,00 |

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt – Chi nhánh Hà Nội thành lập và hoạt động theo Quyết định số 195/QĐ-UBCK ngày 18/03/2019 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Địa điểm chi nhánh: P1106 Tầng 11, tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 11 người (tại ngày 31/12/2019 là 10 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

3. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua tài sản công (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như chi phí môi giới, chi phí giao dịch và phí ngân hàng).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay).

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị | 04-05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

7. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Số năm
04-12

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn (doanh thu từ giao dịch về cung cấp dịch vụ) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng,... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

16. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 34.641.650 | 29.106.636 |
| Tiền gửi ngân hàng | 787.851.976 | 3.269.642.097 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 133.957.244 | 898.886.383 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 150.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng | - | 150.000.000 |
| Cộng | <u>956.450.870</u> | <u>4.347.635.116</u> |

2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu (*) | 21.799.554.795 | 21.850.000.000 |
| Cộng | <u>21.799.554.795</u> | <u>21.850.000.000</u> |

(*) Thông tin chi tiết các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 34949/2506021 ngày 10/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 34949/2506021/PL01 - HĐTG/BACABANK ngày 10/01/2020 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,3%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38036/2506032 ngày 03/07/2018 và Phụ lục hợp đồng số 38036/2506032/PL01 - HĐTG/BACABANK ngày 03/07/2020 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 6.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 44577/02506007 ngày 11/07/2019 và Phụ lục hợp đồng số 44577/02506007/PL02 - HĐTG/BACABANK ngày 11/10/2020 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 5.099.554.795 đồng, kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 3,8%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 700M/6M/20/HĐTG/BACABANK ngày 04/09/2020 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Kim Liên, số tiền 700.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,4%/năm;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Các khoản cho vay

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------------|----------------------|------------|
| Ứng trước tiền bán của khách hàng | 1.460.098.773 | - |
| Cộng | 1.460.098.773 | - |

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

| | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm |
|-----------------------|--|---|
| Cửa Nhà đầu tư | | |
| Cổ phiếu | 137.205.687 | 1.979.139.344.400 |
| Trái phiếu | 13.500.000 | 1.535.536.303.491 |
| Cộng | 150.705.687 | 3.514.675.647.891 |

5. Chi phí trả trước

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 229.875.402 | 159.706.419 |
| Cước đặt chỗ Switch | 21.120.000 | 100.922.462 |
| Dịch vụ truyền số liệu | 135.190.000 | - |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 2.275.000 | - |
| Chi phí trả trước khác | 71.290.402 | 58.783.957 |
| b) Dài hạn | 234.404.079 | 516.411.787 |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 127.497.779 | 516.411.787 |
| Chi phí trả trước khác | 106.906.300 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Tổng cộng |
|---------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 3.568.544.067 | 1.059.090.000 | 4.627.634.067 |
| Số giảm trong năm | (397.925.302) | - | (397.925.302) |
| - Thanh lý, nhượng bán | (397.925.302) | - | (397.925.302) |
| Số dư cuối năm | 3.170.618.765 | 1.059.090.000 | 4.229.708.765 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 1.530.476.965 | - | 1.530.476.965 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 2.257.959.623 | 538.370.764 | 2.796.330.387 |
| Số tăng trong năm | 328.028.364 | 105.909.000 | 433.937.364 |
| - Khấu hao TSCĐ trong năm | 328.028.364 | 105.909.000 | 433.937.364 |
| Số giảm trong năm | (397.925.302) | - | (397.925.302) |
| - Thanh lý, nhượng bán | (397.925.302) | - | (397.925.302) |
| Số dư cuối năm | 2.188.062.685 | 644.279.764 | 2.832.342.449 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.310.584.444 | 626.628.236 | 1.831.303.680 |
| Tại ngày cuối năm | 982.556.080 | 414.810.236 | 1.397.366.316 |

7. Tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|---------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư đầu năm | 1.969.867.750 | 1.969.867.750 |
| Số tăng trong năm | - | - |
| - Mua sắm TSCĐ trong năm | - | - |
| Số dư cuối năm | 1.969.867.750 | 1.969.867.750 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư đầu năm | 1.321.884.343 | 1.321.884.343 |
| Khấu hao trong năm | 143.756.772 | 143.756.772 |
| Số dư cuối năm | 1.465.641.115 | 1.465.641.115 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày đầu năm | 647.983.407 | 647.983.407 |
| Tại ngày cuối năm | 504.226.635 | 504.226.635 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu (gốc và lãi) | 6.027.604.067 | 5.746.280.873 |
| Tiền lãi phân bổ trong năm | 393.096.513 | 334.565.226 |
| Thu tiền lãi trong năm | (194.661.622) | (53.242.032) |
| Số dư cuối năm | 6.226.038.958 | 6.027.604.067 |

9. Tiền gửi của Nhà đầu tư

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |
| Tổng | 16.506.784.695 | 3.687.463.302 |

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 97 | 97 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 95.041.134 | 38.909.505 |
| Cộng | 95.041.231 | 38.909.602 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| Phí lưu ký, phí giao dịch, cước thuê kênh, thuê máy chủ ảo | 72.763.624 | 81.731.577 |
| Phí kiểm toán, cước dịch vụ Cloud Server | - | 79.670.488 |
| Chi phí phải trả khác | 27.696.381 | 5.745.680 |
| Cộng | 100.460.005 | 167.147.745 |

12. Lợi nhuận chưa phân phối

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| Lỗ lũy kế/Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối | (5.026.897.145) | (2.496.423.064) |
| Cộng | (5.026.897.145) | (2.496.423.064) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: VND)

1. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.731.593.091 | 1.409.037.864 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 74.213.399 | 155.804.987 |
| Thuế, phí, lệ phí | 16.875.034 | 14.800.000 |
| Khấu hao Tài sản cố định | 105.909.000 | 105.909.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 153.124.775 | 447.321.797 |
| Chi phí khác | 245.221.101 | 582.736.730 |
| Cộng | 2.326.936.400 | 2.715.610.378 |

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

2.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-----------------|-----------------|
| Lỗ/Lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| Điều chỉnh tăng | 120.900.000 | 154.567.522 |
| - Thủ lao HĐQT không chuyên trách | 120.900.000 | 154.200.000 |
| - Phạt hành chính | - | 367.522 |
| Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước | (2.409.574.081) | (2.620.614.219) |
| Lỗ năm trước chuyển sang | - | - |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành | (2.409.574.081) | (2.620.614.219) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (2.530.474.081) | (2.775.181.741) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 3.750.000 | 3.750.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (675) | (740) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Ông Đặng Thái Nguyên là Tổng giám đốc, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt, đồng thời là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á.

Trong kỳ Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á như sau:

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)) | | |
| - Phát sinh tăng | 1.089.719.244.600 | 669.807.524.031 |
| - Phát sinh giảm | 1.086.521.285.663 | 715.989.376.451 |
| Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty | 1.535.536.303.491 | 3.187.325.507.201 |
| Vay ngắn hạn | 24.037.519.697 | - |
| Chi phí | 92.653.678 | 235.680.000 |
| - Chi phí lãi vay | 7.808.878 | - |
| - Chi phí thuê văn phòng | 84.844.800 | 235.680.000 |
| Doanh thu | 1.659.142.753 | 1.785.683.795 |
| - Doanh thu môi giới Trái phiếu | 10.785.150 | 256.421.700 |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán | 156.824.603 | 156.626.849 |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | - | 45.454.545 |
| - Doanh thu phí chuyển tiền | 39.022.000 | 25.300.000 |
| - Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 1.452.511.000 | 1.301.880.701 |

Số dư với các bên liên quan

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|----------------|----------------|
| Ngân hàng TMCP Bắc Á | | |
| Tiền gửi Ngân hàng của Công ty chứng khoán và của nhà đầu tư (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)) | 31.721.028.655 | 28.523.075.004 |
| Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 328.538.665 | 300.191.600 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng:

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|---------------|---------------|
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng | 1.424.788.181 | 1.412.336.364 |
| Trong đó: | | |
| Bà Thái Thị Nga (chủ tịch HĐQT) | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Đặng Thái Nguyên (Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) | 965.450.909 | 956.290.909 |
| Bà Trương Thị Kim Thư (Ủy viên HĐQT) | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Lê Duy Thân (Phó Giám đốc Chi nhánh) | 148.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Hà Nam (Kế toán trưởng) | 303.337.272 | 300.045.455 |
| Ông Thái Doãn Sơn (Trưởng Ban kiểm soát) | 42.000.000 | 42.000.000 |
| Ông Nguyễn Duy Châu (Thành viên Ban kiểm soát) | 42.000.000 | 42.000.000 |

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 và số V.2. Công ty nhận thức thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09-CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

| | Tổng cộng VND | Số dư đã lập dự phòng VND | Không quá hạn và không bị suy giảm VND | Quá hạn nhưng không bị suy giảm | | |
|-------------|------------------|---------------------------------|--|---------------------------------|---------------------|-------------------|
| | | | | < 80 ngày VND | 81 - 80 ngày VND | > 180 ngày VND |
| Số đầu năm | 27.021.897.102 | - | 27.021.897.102 | - | - | - |
| Số cuối năm | 24.960.764.914 | - | 24.960.764.914 | - | - | - |

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc điều khoản phát hành. Đối với các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tương đương tiền và các khoản tương đương tiền các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Mẫu số B09-CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Quá hạn VND | Không kỳ hạn VND | Đến 01 năm VND | Từ 01 - 05 năm VND | Trên 05 năm VND | Tổng cộng VND |
|---|----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | | |
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | 956.450.870 | - | - | - | 956.450.870 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | 21.799.554.795 | - | - | 21.799.554.795 |
| Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng) | - | - | 1.460.098.773 | - | - | 1.460.098.773 |
| Các khoản phải thu (không bao gồm dự phòng) | - | 789.401.876 | - | - | - | 789.401.876 |
| Các khoản cầm cố, kỳ quỹ, kỳ cược | - | - | - | 81.780.000 | - | 81.780.000 |
| Tiền nợ Quý hỗ trợ thanh toán | - | - | - | 6.226.038.958 | - | 6.226.038.958 |
| Tổng cộng | - | 1.745.852.746 | 23.259.653.568 | 6.307.818.958 | - | 31.313.325.272 |
| NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH | | | | | | |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | - | 43.921.053 | - | - | - | 43.921.053 |
| Chi phí phải trả | - | 100.460.005 | - | - | - | 100.460.005 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | - | 95.041.231 | - | - | - | 95.041.231 |
| Phải trả, phải nộp khác | - | 36.999.428 | - | - | - | 36.999.428 |
| Tổng cộng | - | 276.421.717 | - | - | - | 276.421.717 |
| Mức chênh lệch thanh khoản ròng | - | 1.469.431.029 | 23.259.653.568 | 6.307.818.958 | - | 31.036.903.555 |

Công ty cho rằng mức động tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung
Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác.

6. Thông tin khác

Theo biên bản họp đại hội Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/06/2018, Công ty đã thông qua việc giao cho Tổng giám đốc Đặng Thái Nguyên lập phương án tăng vốn điều lệ từ 37.500.000.000 đồng lên mức 300.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phương án tăng vốn điều lệ chưa được thực hiện thực tế.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY- Chi nhánh Miền Trung.

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2021

